

Bản án số: 41/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2024

V/v: ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M - TỈNH H

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Triệu Duy Tỏi, Bà Nguyễn Thị Hoài.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hải Loan - Thư ký Toà án nhân dân huyện M, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên toà: Ông Phạm Sỹ Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện M, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 126/2024/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2024 về ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11/9/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị P, sinh năm 2000; Nơi thường trú: Khu V, thị trấn M, huyện M, tỉnh H; Chỗ ở: thôn Tăng Hạ, xã Gia Xuyên, T phố H, tỉnh H; Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Vũ Văn T, sinh năm 2000; Nơi thường trú: Khu V, thị trấn M, huyện M, tỉnh H; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Vũ Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện M, tỉnh H ngày 22-3-2021. Anh chị chung sống tại gia đình chồng ở số nhà 9, phố An Ninh, đường Chu Văn An, khu V, thị trấn M, huyện M, tỉnh H. Sau khi kết hôn được khoảng 01 năm thì vợ chồng xảy ra cãi nhau, mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh T mãi chơi, không chịu làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con, thậm chí anh đi làm nhưng không đưa tiền cho chị nuôi con, kinh tế rất khó khăn. Sau đó chị phát hiện anh có quan hệ tình cảm bên ngoài, về nhà chỉ mãi nhắn tin với người phụ nữ khác rồi lại đi, bỏ mặc chị ở nhà một mình nuôi con nhỏ. Chị đã nói chuyện với anh T là “nếu anh có gái thì ly hôn đi”, anh T trả lời “em về nhà mẹ em mà ở, để con ở nhà rồi làm đơn gửi lên Tòa đi”. Nhưng đến khi chị làm đơn nộp ra Tòa thì anh không đến Tòa làm việc. Chị gọi điện nói anh lên Tòa thì anh T bảo “tự mà làm đi, để tao nuôi con”. Chị bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 8/2023, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, anh T không tìm chị về, vợ

chồng không có biện pháp hàn gắn. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Vũ Đức Anh, sinh ngày 12/01/2019. Từ khi chị bỏ về nhà mẹ đẻ, con ở cùng với anh T và ông bà nội. Hiện nay con đang học lớp mẫu giáo 5 tuổi trường Mầm non thị trấn M. Chị được biết anh T vẫn làm tự do ở nhà, việc đưa đón con đi học là ông bà nội đảm nhiệm. Con chị vẫn ngoan, sức khỏe tốt, việc sinh hoạt và học tập bình thường. Hiện nay chị đi làm công ty, thường xuyên tăng ca, đi sớm về muộn. Chị được biết anh T và bố mẹ anh cũng có nguyện vọng tiếp tục nuôi cháu. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án cho cháu Vũ Đức Anh được tiếp tục ở với bố và ông bà nội, để đảm bảo sự ổn định học tập và sinh hoạt cho cháu. Chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định pháp luật. Hiện nay chị làm công ty điện tử gần nhà, vì chị mới đi làm nên tăng ca nhiều mà thu nhập mỗi tháng chỉ được 7-8 triệu đồng.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện M đã tiến hành cấp, tổng đạt hợp lệ, niêm yết văn bản tố tụng cho anh Vũ Văn T theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, anh T không trình bày ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án, không đến Tòa làm việc. Tòa án đã đến gia đình anh T, gặp bà Trần Thị Hoà là mẹ đẻ anh T để giao văn bản tố tụng, lấy lời khai nhưng bà Hoà chỉ nhận văn bản mà không ký biên bản giao nhận, đồng thời bà Hoà từ chối làm việc với Tòa án. Quá trình giao văn bản tố tụng, bà Hoà trình bày gia đình bà nhận nuôi cháu Vũ Đức Anh. Ngoài ra bà Hoà không trình bày nội dung nào khác.

Ngày 10/9/2024, TAND huyện M có Văn bản đề nghị Phòng quản lý xuất nhập cảnh- Công an tỉnh H tra cứu và cung cấp thông tin xuất cảnh, nhập cảnh của anh Vũ Văn T. Ngày 16/9/2024, Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh H phúc đáp TAND huyện M như sau: Qua tra cứu trên Phân hệ quản lý xuất nhập cảnh tại Công an tỉnh H vào hồi 11h 30 phút ngày 16/9/2024 xác định: Không có thông tin xuất nhập cảnh của anh Vũ Văn T.

Xác minh tại Trường Mầm non thị trấn M, huyện M, tỉnh H thể hiện: Cháu Vũ Đức Anh hiện đang học lớp 5 tuổi A Trường mầm non thị trấn M. Quá trình học tập của cháu từ trước đến nay đều được đảm bảo tốt về điều kiện học tập và sức khỏe, cháu nhanh nhẹn, ngoan ngoãn. Gia đình cháu đều đảm bảo đủ điều kiện mà nhà trường yêu cầu. Cháu Vũ Đức Anh hiện đang được ăn bán trú tại trường, cháu ăn ngủ, sinh hoạt tốt. Hàng ngày bà nội là người đưa đón, cháu đi học đều hàng ngày. Ông bà nội là người trực tiếp đóng góp các khoản phí học tập cho cháu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M phát biểu ý kiến: Xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thu thập chứng cứ, của HĐXX và thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn thực hiện chưa đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX: Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia

đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Vũ Thị P được ly hôn anh Vũ Văn T; Về con chung: Giao cháu Vũ Đức Anh, sinh ngày 12/01/2019 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị P có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh T số tiền 1.200.000đ/1 tháng kể từ tháng 10/2024 đến khi con chung đủ 18 tuổi, P thức cấp dưỡng hàng tháng. Chị Vũ Thị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Không phải giải quyết; Về án phí: Chị P phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Vũ Thị P yêu cầu Tòa án nhân dân huyện M giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh Vũ Văn T, đăng ký thường trú tại khu V, thị trấn M, huyện M, tỉnh H. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh H. Xác định quan hệ tranh chấp về Hôn nhân và gia đình là ly hôn, nuôi con theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn anh Vũ Văn T đã được Toà án tổng đạt hợp lệ, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do nên Toà án tiến hành xét xử vụ án theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị P và anh Vũ Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện M, tỉnh H ngày 22-3-2021, nên quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh T là hợp pháp.

Căn cứ lời khai của chị P và các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Sau khi kết hôn, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Theo chị P trình bày, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh T không tu chí làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con, thậm chí anh còn có tình cảm với người phụ nữ khác, tình cảm lạnh nhạt, dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Tháng 8/2023, chị P bỏ về nhà mẹ đẻ ở, anh chị sống ly thân từ đó đến nay, anh T không đến tìm, không có biện pháp hàn gắn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh T nhưng anh không đến Toà án trình bày ý kiến. Khi Toà án tiến hành hòa giải, anh T cũng không tham gia, chứng tỏ anh T không mong muốn và không thiện chí tích cực hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Điều đó cho thấy anh chị không còn sự thương yêu, quý trọng, chăm sóc nhau, đến nay anh chị vẫn tiếp tục sống ly thân bỏ mặc nhau, không còn tình nghĩa vợ chồng. Với thực trạng hôn nhân nói trên cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho chị P được ly hôn anh T là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị P, anh T có một chung là cháu Vũ Đức Anh, sinh ngày 12/01/2019. Anh chị sinh con trước khi kết hôn. Trong giấy khai sinh số 37

ngày 22/02/2019 của cháu Vũ Đức Anh đăng ký khai sinh tại UBND xã Gia Xuyên, huyện Gia Lộc, tỉnh H thể hiện chỉ có tên người mẹ là Vũ Thị P, không có tên người cha. Đến ngày 05/4/2021 tại trang số 16, số 06 của Sổ đăng ký khai sinh tại UBND xã Gia Xuyên thể hiện tại Phần ghi nội dung thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch đã bổ sung thông tin của người cha là anh Vũ Văn T. Như vậy, có căn cứ xác định cháu Vũ Đức Anh là con chung của chị P, anh T, đã được đăng ký khai sinh hợp pháp.

Từ khi chị P và anh T sống ly thân đến nay, con ở cùng với anh T và ông bà nội. Chị P nhất trí để anh T tiếp tục nuôi con, chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh T theo quy định pháp luật. Xét thấy ý kiến về việc nuôi con của chị P là tự nguyện, mặt khác qua xác minh tại Trường Mầm non thị trấn M xác định cháu Vũ Đức Anh quá trình phát triển thể chất, tinh thần và việc sinh hoạt, học tập đều được đảm bảo tốt; anh T và gia đình anh có nguyện vọng nuôi con. Do đó, cần giao cháu Vũ Đức Anh cho anh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi, chị P có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh T số tiền 1.200.000đ/1 tháng kể từ tháng 10/2024 đến khi con chung đủ 18 tuổi, P thức cấp dưỡng hàng tháng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Chị P, anh T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Vũ Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị P được ly hôn anh Vũ Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Vũ Đức Anh, sinh ngày 12/01/2019 cho anh Vũ Văn T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Vũ Thị P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh T số tiền 1.200.000đ/1 tháng kể từ tháng 10/2024 đến khi con chung đủ 18 tuổi, P thức cấp dưỡng hàng tháng.

Chị Vũ Thị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1

Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Không phải giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung, tổng là 600.000 đồng, được đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí chị P đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M theo biên lai ký hiệu BLTU/23 số 0001731 ngày 23 tháng 7 năm 2024. Chị P còn phải nộp thêm 300.000 đồng tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn M, huyện M, tỉnh H (Giấy CNKH số 13/2021);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Nhàn

T viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Nhân